

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

VŨ LỆ HÀ

CƠ SỞ KHOA HỌC HOÀN THIỆN BỘ CHỈ TIÊU
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH CÓ TÍNH ĐẾN
MÔI LIÊN KẾT VÙNG VÀ BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI
KHÍ HẬU, ÁP DỤNG CHO TỈNH NAM ĐỊNH

Chuyên ngành: Quản lí đất đai

Mã số: 9850103.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Hà Nội, 2020

Luận án được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS. Nguyễn Cao Huân
2. TS. Thái Thị Quỳnh Như

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ
hợp tại: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN
vào hồi:.....giờ; ngày.....tháng.....năm 2020

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn (đồng chủ biên), Nguyễn An Thịnh, **Vũ Lệ Hà (2016)**. Giáo trình quy hoạch sử dụng đất bền vững. NXB Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam. tr.11-71.

2. **Vũ Lệ Hà (2017)**. Quy hoạch sử dụng đất của một số nước trên thế giới và vấn đề quy hoạch sử dụng đất có liên quan đến liên kết vùng tại Việt Nam”. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 10(288) tháng 5/2018, tr.25-27.

3. **Vũ Lệ Hà (2018)** Nghiên cứu ảnh hưởng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tới sử dụng đất tại vùng Đồng Bằng sông Hồng. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường số 18(296) tháng 9/2018, tr.26-28.

4. **Vũ Lệ Hà (2020)** Nghiên cứu xác định các yếu tố biến đổi khí hậu tới sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Tài nguyên và Môi trường tháng 11/2020, tr.50-55.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là nguồn lực đầu vào của mọi quá trình sản xuất. Quản lý và sử dụng tài nguyên đất hiệu quả đi đôi với bảo vệ môi trường và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững toàn vùng trong bối cảnh thích nghi với BĐKH luôn được Chính phủ các nước, các nhà khoa học và các nhà quản lý quan tâm. Bởi vì đó là một trong những điều kiện cơ bản để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và ổn định chính trị.

QHSDĐ là công cụ hữu hiệu để điều tiết các quan hệ đất đai, đảm bảo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội. QHSDĐ vừa mang tính tích hợp, vừa mang tính điều phối đất đai, có vai trò khoanh vùng và phân bổ quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực; QHSDĐ là quy hoạch nền để các ngành, lĩnh vực lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của cả nước và các địa phương.

Hiện nay tại nước ta, QHSDĐ vẫn chủ yếu tập trung chú ý đến việc phân bổ các loại đất. Mặc dù phân vùng chức năng sử dụng đất theo không gian đã được đề cập, tuy nhiên chưa rõ về cơ sở lý luận và phương pháp luận dẫn đến chưa đảm bảo tính liên vùng trong sử dụng đất, không phát huy được thế mạnh của từng vùng và đảm bảo sự phát triển hài hòa giữa các vùng. Việc phân bổ các mục đích sử dụng đất còn dàn trải, chưa tập trung, thiếu đồng bộ dẫn đến việc nhiều diện tích đất không được sử dụng hiệu quả, tình trạng đất bị bỏ hoang xảy ra nhiều (đặc biệt tại một số khu công nghiệp), tài nguyên đất đai bị sử dụng trùng lặp hoặc thiếu cân đối giữa các tỉnh trong vùng và giữa các vùng.

Việc lồng ghép các yếu tố BĐKH đã được thực hiện trong một số phương án QHSDĐ nhưng chưa có một cơ sở khoa học và cách thức lồng ghép chính thức, thống nhất trong toàn quốc.

Với những phân tích trên, có thể thấy rằng, cần thiết phải thực hiện tích hợp, lồng ghép các yếu tố liên kết vùng và BĐKH trong QHSDĐ một cách thống nhất. Cần có một hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất thể hiện đầy đủ nội dung tích hợp và lồng ghép các yếu tố liên kết vùng và BĐKH, đảm bảo đưa đất đai vào phát triển một cách bền vững. Nghiên cứu hoàn thiện bộ chỉ tiêu (theo từng tiêu chí) sử dụng đất trong quy hoạch của các cấp, là cơ sở để hướng dẫn địa phương trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp, đảm bảo tính hợp lý và bền vững (dài hạn) của phương án quy hoạch, hạn chế việc điều chỉnh phương án quy hoạch đã được phê duyệt.

Với nhận thức trên tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu “Cơ sở khoa học hoàn thiện bộ chỉ tiêu QHSDĐ cấp tỉnh có tính đến mối liên kết vùng và bối cảnh BĐKH, áp dụng cho tỉnh Nam Định”

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

+ Xác lập cơ sở khoa học và đề xuất bộ chỉ tiêu khoanh vùng và phân bổ đất đai trong quy hoạch tỉnh có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH

+ Áp dụng bộ chỉ tiêu khoanh vùng và phân bổ đất đai có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH trong định hướng sử dụng đất tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030.

3. Phạm vi nghiên cứu

a) Phạm vi không gian

- Nghiên cứu mối liên kết vùng và các yếu tố BĐKH ảnh hưởng tới sử dụng đất tại vùng Đồng bằng sông Hồng trong đó nghiên cứu xác định cụ thể bảng chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai cho quy hoạch tỉnh Nam Định.

b) Phạm vi thời gian

Các số liệu về ĐKTN, KTXH, số liệu về BĐKH, liên kết vùng, quy hoạch, thống kê, kiểm kê đất đai... đều xác định trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2020.

c) Phạm vi khoa học:

QHSDĐ cần được xây dựng theo các tiêu chí về tự nhiên, kinh tế - xã hội, tác động của BĐKH và ảnh hưởng của các mối liên kết vùng. Bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong QHSDĐ cấp tỉnh được xây dựng bằng kỹ thuật Delphi với 1 vòng điều tra thử nghiệm và 2 vòng điều tra lặp lại.

Xác định cơ sở khoa học về tự nhiên, kinh tế, môi trường hoàn thiện bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong QHSDĐ có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH.

Xác định chỉ tiêu và phân khu chức năng sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh cụ thể hoá cho tỉnh Nam Định.

4. Kết quả đạt được

- Phân tích được các yếu tố liên kết vùng và BĐKH ảnh hưởng tới các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng.

- Xây dựng được Bảng chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh (hợp phần khoanh vùng và phân bổ đất đai) có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Áp dụng bộ chỉ tiêu QHSDĐ có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH xây dựng định hướng sử dụng đất tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030.

5. Ý nghĩa của luận án

Ý nghĩa khoa học

Cung cấp cơ sở khoa học cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn thống nhất về quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong cả nước; làm căn cứ để lựa chọn phương án quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất tối ưu trong quá trình lập, thẩm định, xét duyệt quy hoạch cũng như đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch trong thực tiễn.

Ý nghĩa thực tiễn

- Giúp tăng cường năng lực công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai đặc biệt là công tác lập và điều chỉnh QHSDD.

- Góp phần nâng cao chất lượng (mức độ chính xác, tính khả thi) của phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai trong quy hoạch tỉnh; đảm bảo khai thác tốt tiềm năng đất đai, sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, bền vững và thích ứng với BĐKH.

- Đưa ra các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác QHSDD phục vụ quản lý đất đai theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Là cơ sở khoa học giúp UBND tỉnh Nam Định tham khảo nhằm xây dựng phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai trong quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 – 2030.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, luận án được cấu trúc thành 03 chương với 150 trang, 22 hình vẽ, 41 bảng, biểu.

7. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng 7 phương pháp nghiên cứu, được trình bày chi tiết ở mục 1.5.2 trong Chương 1 của luận án.

8. Luận điểm bảo vệ

Luận điểm 1: Bộ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đang được tích hợp trong quy hoạch tỉnh hiện nay mới chỉ tính đến các chỉ tiêu về mục đích sử dụng đất chi tiết mà chưa tính đến mối liên kết vùng và BĐKH một cách đầy đủ, do đó cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất dựa trên liên kết vùng và ứng phó với biến đổi khí hậu bằng lý luận và thực tiễn để hoàn thiện thành phần quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật quy hoạch và pháp luật đất đai hiện hành, bảo đảm chất lượng quy hoạch trong thời kỳ tiếp theo..

Luận điểm 2: Bộ chỉ tiêu và phân khu chức năng sử dụng đất trong định hướng SDD của tỉnh Nam Định được xây dựng có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH sẽ nâng cao chất lượng của phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai trong quy hoạch tỉnh; đảm bảo khai thác tốt tiềm năng đất đai, sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm, bền vững và thích ứng với BĐKH.

9. Những đóng góp mới của luận án

- Đã đề xuất được bộ chỉ tiêu khoanh vùng và phân bổ đất đai trong quy hoạch tỉnh có tính đến mối liên kết vùng và bối cảnh BĐKH.

- Xây dựng được bộ chỉ tiêu và phân khu chức năng sử dụng đất trong định hướng sử dụng đất có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH phục vụ lập quy hoạch tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2030.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI VỀ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QHSD ĐẤT CÓ TÍNH ĐẾN MÔI LIÊN KẾT VÙNG VÀ BDKH

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về QHSDĐ

Luận án đã nghiên cứu, phân tích các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về QHSDĐ của các nhà nghiên cứu như Lier [88], Herrmann và Osinski [113], Pašakarnis [113], Fitzsimons [147], Ryan và Throgmorton [108], Kim và Pauleit [122].... Luận án cũng đã tổng hợp nghiên cứu các công trình khoa học trong nước của các nhà khoa học như Chu Văn Thịnh, 2000 [60]; Đoàn Công Quý, Nguyễn Thị Vòng, 2005 [20]), Tôn Gia Huyền (2010) [34], Nguyễn Đắc Nhân [22],

1.1.2. Tổng quan về liên kết vùng trong quy hoạch sử dụng đất

Luận án đã nghiên cứu các công trình nước ngoài về vùng và môi liên kết vùng của các nhà nghiên cứu như Perroux [87] Camagni [53], Porter. M [88].... Và một số các nhà nghiên cứu trong nước như Hồ Bá Thâm [27, 28], Nguyễn Văn Huân [21], Lê Thế Giới [18], Lê Bá Thảo [31, 32, 33].

1.1.3. Tổng quan về BDKH và ảnh hưởng của BDKH đến sử dụng đất và QHSDĐ

Trên thế giới có rất nhiều các công trình nghiên cứu về BDKH và ảnh hưởng của BDKH tới nhiều lĩnh vực đời sống. Các nghiên cứu của một số nhà khoa học tiêu biểu như: QiLu, Ni-BinChang [74], Costantino Masciopinto[128], Aliza Fleischer[47], Jeremy G.Carter [54] J. Penuelas, Sardans, J., Estiarte, M., Ogaya, R., Carnicer, J., Coll, M., Barbeta, A., Rivas-Ubach, A., Llusà, J., Garbulsky, M., Filella, I., Jump, A.S. . Các nhà khoa học trong nước như Nguyễn Đình Hòa, và Nguyễn Ngọc Sinh, Võ Quý, Lê Văn Khoa

1.1.4. Các nghiên cứu về bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch có gắn với liên kết vùng và yếu tố BDKH

Luận án đã nghiên cứu các công trình nước ngoài về các chỉ tiêu và tiêu chí trong QHSDĐ như Li AJ. Zhang Y.J, Fung T [94], Volkov, 2001; Varlamov. A. A, 1999, S. Herrmann, E. Osinski (1999) [66], Mohamed S. Abdul R., Wan Mohamad D., Rahman Ab. [46]. Các công trình trong nước của các nhà khoa học gồm Hoàng Thị Vân ANh, Nguyễn Minh Thủy, Nguyễn Đắc Nhân...

1.1.5. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án

- Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến một số nội dung cơ sở lý luận về QHSDĐ; Phân tích cơ sở lý luận về vùng, chính sách phát triển

vùng, liên kết vùng; Phân tích đánh giá biểu hiện của BĐKH và thiên tai, tác động của BĐKH đến kinh tế-xã hội và đặc biệt những tác động của BĐKH tới sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất, các giải pháp ứng phó và thích nghi với BĐKH khi thực hiện phân bổ và khoanh vùng mục đích sử dụng đất.

- Chưa có công trình nghiên cứu sâu nào đưa ra luận cứ xây dựng bảng chỉ tiêu sử dụng đất, đặc biệt bảng chỉ tiêu sử dụng đất có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH. Đề tài cấp nhà nước do TS Nguyễn Đắc Nhân chủ trì cũng đã đưa ra hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất nhưng vẫn chưa có lý luận xác lập một cách đầy đủ.

- Chưa có công trình nghiên cứu nào mang tính lý luận cơ bản về mối liên kết vùng được tính toán trong xây dựng QHSDD, cơ chế chính sách để tăng cường các yếu tố liên kết vùng trong sử dụng đất và QHSDD.

- Đối với Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu về BĐKH, các nghiên cứu đã tập trung làm rõ: các hiện tượng thiên tai, biểu hiện, nguyên nhân và tác động của nó tới cộng đồng và tới việc sử dụng đất, từ đó đề xuất giải pháp tổng thể cũng như chi tiết nhằm sử dụng đất thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu sâu về việc xây dựng các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch có tính đến yếu tố BĐKH nhằm bố trí sử dụng đất một cách hợp lý, giảm thiểu tác động của BĐKH, mang lại hiệu quả sử dụng đất.; Chưa có nghiên cứu sâu nào về cơ chế, chính sách ứng phó với BĐKH trong sử dụng đất và QHSDD.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHỈ TIÊU QHSDD CÓ TÍNH ĐẾN MỐI LIÊN KẾT VÙNG VÀ BĐKH

1.2.1. Các nội dung liên kết vùng trong QHSDD

Văn kiện Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh: Tăng cường liên kết về mặt không gian “giữa các địa phương trong vùng” và “giữa các vùng”, tạo sự “phát triển thống nhất trong vùng và cả nước”; nhằm mục tiêu “phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương”, “ứng phó có hiệu quả với thiên tai, BĐKH”, “khắc phục tình trạng phát triển trùng lặp, manh mún, kém hiệu quả”

Việc liên kết vùng giúp các địa phương giảm tải được các chi phí và tiêu hao nguồn lực, có thể thực hiện được các công trình, dự án lớn mà từng địa phương riêng lẻ không thể làm được. Việc chia sẻ quyền lợi và tránh nhiệm giữa các địa phương và các ngành trong sử dụng đất đảm bảo sự cân bằng không gian cho các mục đích sử dụng đất, đảm bảo đất đai được đưa vào sử dụng hiệu quả, hợp lý, tránh tình trạng chồng lấn, dư thừa một mục đích sử

dụng nhưng lại thiếu cho các mục đích khác.

Một số nội dung liên kết vùng trong QHSDD gồm: (1) *Liên kết vùng trong xây dựng cơ sở hạ tầng*, (2) *Liên kết vùng trong phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp*, (3) *Liên kết vùng trong đảm bảo an ninh lương thực*, (4) *Liên kết vùng trong phát triển cây lâu năm*, (6) *Liên kết vùng trong nuôi trồng thủy sản*, (7) *Liên kết vùng trong phát triển đô thị*, (8) *Liên kết vùng trong bảo vệ tài nguyên môi trường*.

1.2.2. Mối liên hệ giữa quy hoạch vùng và QHSDD

- Theo Luật quy hoạch (2017), Quy hoạch vùng là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia ở cấp vùng về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, xây dựng vùng liên tỉnh, kết cấu hạ tầng, nguồn nước lưu vực sông, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối các tỉnh.

- Quy hoạch tỉnh là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

+ Mối quan hệ của QHSDD cấp tỉnh với các loại quy hoạch, cấp quy hoạch và cấp vùng:

Quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia. Trường hợp quy hoạch giữa các tỉnh có mâu thuẫn với nhau thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch cao hơn. Trường hợp quy hoạch tỉnh có mâu thuẫn với quy hoạch vùng thì phải điều chỉnh và thực hiện theo quy hoạch vùng và quy hoạch cấp quốc gia. Quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn phải phù hợp với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh (Luật quy hoạch, 2017).

1.2.3. Vai trò của liên kết vùng với QHSDD trong QH tỉnh

QHSDD là việc bố trí nguồn lực đất đai theo không gian, do đó các mục đích sử dụng đất cần được bố trí liên kết về mặt không gian một cách chặt chẽ để đất được sử dụng hiệu quả nhất. Liên kết vùng đã tạo lợi thế động, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội các vùng. Liên kết vùng đã góp phần chủ động và từng bước phát huy tiềm năng, thế mạnh nội và ngoại vùng. Hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất và quy mô diện tích của từng chỉ tiêu trong QHSDD cấp tỉnh cần đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng và các tỉnh trong vùng.

1.2.4. Hạn chế của yếu tố liên kết vùng trong QHSDD cấp tỉnh

(1)Việc phân cấp trong quản lý quy hoạch còn bất cập: QHSDD(QHSDD) được lập theo đơn vị hành chính không bảo đảm tính liên kết nối liền vùng, không phát huy được thế mạnh của từng tỉnh và bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các vùng; (2) QHSDD chưa thực hiện phân vùng chức năng SDD theo không gian mà mới chỉ chú ý đến việc phân bổ các chỉ tiêu loại đất;(3) Khi thực hiện việc xây dựng các phương án QHSDD nhiều địa phương còn chưa nghiên cứu một cách đầy đủ về các liên kết giữa các vùng và có những luận chứng kinh tế kỹ thuật dẫn đến chất lượng của nhiều QHSDD các cấp nói chung và cấp tỉnh nói riêng còn thấp, thiếu đồng bộ trong SDD, trùng lặp mục đích sử dụng đất cũng như chưa đầy đủ căn cứ pháp lý thể hiện ở việc các quy hoạch phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần; thiếu tính khả thi, không bảo đảm nguồn lực đất đai để thực hiện.

1.2.5. Các yếu tố BĐKH ảnh hưởng tới sử dụng đất và QHSDD tại Việt Nam

QHSDD hiện nay luôn đặt vấn đề bền vững lên hàng đầu, các bản thiết kế quy hoạch luôn được tính toán kỹ lưỡng về khả năng chịu đựng của tự nhiên trong tương lai cùng với các chỉ tiêu khác về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Hậu quả của BĐKH là sự chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất không mong muốn. Những yếu tố BĐKH ảnh hưởng tới sử dụng đất và QHSDD bao gồm: 1) Lượng mưa và nhiệt độ, 2) Nước biển dâng và xâm nhập mặn, 3) Hạn hán, 4) Bão và áp thấp nhiệt đới.

1.2.6 Tác động của BĐKH đến các loại hình sử dụng đất

Các loại hình sử dụng đất bị ảnh hưởng bởi tác động của BĐKH bao gồm: 1) Tác động đến sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, 2) Tác động đến sử dụng đất lâm nghiệp và rừng, 3) Tác động đến nuôi trồng thủy sản, 4) Tác động đến hạ tầng, 5) Tác động đến các hệ sinh thái. Như vậy, biến đổi khí hậu có ảnh hưởng lớn đến sử dụng đất ở Việt Nam do đó những tác động của yếu tố biến đổi khí hậu cần được tính đến trong chỉ tiêu sử dụng đất nhằm xây dựng được các phương án, kịch bản sử dụng đất có thể ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu

1.2.3. Đánh giá thực tiễn xây dựng và triển khai bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong QHSDD các cấp hiện nay tại Việt Nam

Luận án đã đánh giá thực trạng của việc xây dựng các quy định pháp lý về bộ chỉ tiêu SDD trong QHSDD tương ứng các thời kỳ Luật Đất đai. Ở mỗi một giai đoạn bộ chỉ tiêu lại được cập nhật, bổ sung nhằm đảm bảo QHSDD

phân bổ các chỉ tiêu SDD hợp lý, phù hợp với định hướng và tình hình phát triển KT-XH của đất nước. Đánh giá những hạn chế của bộ chỉ tiêu sử dụng đất hiện tại bao gồm: 1) Bộ chỉ tiêu sử dụng đất hiện tại chủ yếu dựa trên phân bổ diện tích các loại đất theo mục đích sử dụng sao cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của các ngành và các địa phương, khác với hệ thống quy hoạch SDD của các nước phát triển đã chuyển sang cách tiếp cận không gian (spatial planning) dựa trên phân chia các khu vực sử dụng đất (land zoning); 2) Bộ chỉ tiêu SDD trong QHSDD hiện tại chưa có những chỉ tiêu cụ thể liên quan đến BDKH do đó các địa phương thực hiện không thống nhất.

1.3. KINH NGHIỆM TRÊN THẾ GIỚI VỀ QHSDD CÓ TÍNH ĐẾN LIÊN KẾT VÙNG VÀ BDKH

Luận án đã phân tích kinh nghiệm của một số nước phát triển ở Châu Âu như Cộng hòa liên bang Đức, Thụy Điển, Hà Lan và một số nước châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc về công tác quy hoạch nói chung và QHSDD nói riêng có tính đến liên kết vùng và BDKH. Thông qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trên thế giới rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

1) Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy việc lập các phương án quy hoạch bền vững đòi hỏi không chỉ sự kết hợp các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường, mà còn lồng ghép các chỉ tiêu về liên kết vùng, biến đổi khí hậu trong quá trình lập quy hoạch. 2) Tại Việt Nam, QHSDD vẫn quan tâm nhiều tới tổng diện tích từng loại đất, chưa chuyển hẳn sang không gian sử dụng đất. Đây vẫn còn là cách tiếp cận mang tính "cải lương" về phương pháp luận quy hoạch. Bên cạnh hệ thống phân loại đất, cần đưa ra hệ thống không gian sử dụng đất như khu đô thị, khu dân cư nông thôn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng, v.v. Đây mới là cách tiếp cận phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.4. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁC BƯỚC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Luận án sử dụng các cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu: (1) Cách tiếp cận hệ thống và tổng hợp; (2) Cách tiếp cận lịch sử - viễn cảnh, (3) Cách tiếp cận phát triển bền vững, (4) Tiếp cận đa ngành

1.4.2. Phương pháp nghiên cứu

1.4.2.1. Nhóm các phương pháp thu thập tài liệu, số liệu

(i) Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Thu thập, nghiên cứu các công trình nghiên cứu, đề án, dự án đã nghiên cứu có liên quan, các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học, các bài báo, bài phát biểu có liên quan ở trong nước và ngoài nước.

(ii) Phương pháp kế thừa. Được sử dụng nhằm kế thừa một cách có chọn lọc một số kết quả các nghiên cứu cơ bản, thông tin đã có về khu vực và đối tượng nghiên cứu

(iii) Các phương pháp khảo sát thực địa. Trong quá trình thực hiện luận án, NCS đã thực hiện các đợt khảo sát thông qua 4 chuyến khảo sát thực địa chính thức

(iv) Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi. Thông qua các bảng hỏi, phiếu điều tra, các cuộc trao đổi, phỏng vấn với nhiều đối tượng khác nhau để thu thập thông tin từ các cán bộ có chuyên môn về công tác lập QHSDĐ. Hiện nay có rất nhiều công thức chọn mẫu điều tra, tuy nhiên luận án lựa chọn phương pháp chọn mẫu theo nghiên cứu của Hair, Anderson, Tatham và Black (1998). Theo đó, kích thước mẫu tối thiểu là 5 lần tổng số biến quan sát: $n = 5 * m$

Trong đó: n là số mẫu cần điều tra; m là số biến quan sát (tức là số câu hỏi trong mỗi nhân tố). Với 19 câu hỏi điều tra xã hội học, luận án đã thực hiện điều tra 253 phiếu.

1.4.2.2. Nhóm các phương pháp xử lý dữ liệu

(i) Phương pháp tổng hợp dữ liệu, tài liệu

Phương pháp này được sử dụng nhằm sắp xếp tài liệu theo từng hạng mục phục vụ cho việc nghiên cứu. Các số liệu điều tra được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng excel và SPSS

(ii) *Phương pháp Delphi*. Phương pháp Delphi được sử dụng để đạt được sự đồng thuận về một vấn đề nào đó dưới ý kiến của các chuyên gia thông qua bảng hỏi được dấu tên. Trên thực tế, rất khó để suy luận và tổng hợp ý kiến từ các chuyên gia, đặc biệt với các kiến thức và chuyên ngành khác nhau. Phương pháp chuyên gia Delphi là một phương pháp tối ưu để giải quyết vấn đề này. Delphi thường được sử dụng để tổng hợp, chắt lọc ý kiến của các chuyên gia. Điều này rất kinh tế nếu các chuyên gia này ở các vị trí khác nhau; nó cũng có thể cải thiện chất lượng trong việc ra quyết định bằng cách tối thiểu hoá các mâu thuẫn cá tính và ngăn chặn thành viên lấn át, thống trị tiến trình ra quyết định.

Bảng 1.1: Các bước nghiên cứu luận án

Bước 1. Xây dựng cơ sở lý luận và xác định các nhóm đối tượng có liên quan đến việc xây dựng các tiêu chí/chỉ tiêu sử dụng đất cho quy hoạch		Bước 2. Lựa chọn các chuyên gia tham gia vào cuộc điều tra Delphi, số lượng các chuyên gia 30 người
Bước 3. Xây bảng câu hỏi mở, kiểm tra và chỉnh sửa lại cho hoàn chỉnh		Bước 4. Bảng câu hỏi mở chính thức cho vòng 1 được gửi đến các chuyên gia
Bước 5. Vòng 1 phân tích, tổng hợp lại thành một báo cáo tóm tắt, xây dựng bảng câu hỏi cho vòng 2		Bước 6. Câu hỏi vòng 2 cùng báo cáo tóm tắt kết quả vòng 1 được gửi trở lại đến các chuyên gia đã trả lời ở vòng 1
Bước 7. Vòng 2 phân, tích dữ liệu, tính điểm số trung bình, độ lệch chuẩn, thực hiện phân tích thông kê để đánh giá mức độ đồng thuận của các chuyên gia (hệ số Kendall)		Bước 8. Tóm tắt kết quả từ cuộc điều tra Delphi

Quy trình các bước xử lý bằng phương pháp Delphi trong đề tài (nguồn: Dựa theo Schmidt, 1997)

(iii). Phương pháp GIS

Phương pháp bản đồ được sử dụng trong nghiên cứu ngoại nghiệp và phân tích nội nghiệp. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các loại bản đồ chuyên đề được sử dụng để khảo sát, điều tra, nghiên cứu trong việc xác định các mối liên kết vùng trong quy hoạch và sử dụng đất của tỉnh Nam Định.

1.4.1.3 Các bước nghiên cứu thực hiện luận án

Bước (1): Tổng quan các vấn đề nghiên cứu về QHSDĐ, liên kết vùng và BDKH, vai trò của liên kết vùng và BDKH tới chỉ tiêu sử dụng đất trong QH tỉnh.

Bước (2): Nghiên cứu xác định Bộ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh có tính đến mối liên kết vùng và BDKH cho các tỉnh vùng ĐBSH

Bước (3): Xây dựng bộ chỉ tiêu và phân khu chức năng sử dụng đất trong định hướng sử dụng đất tỉnh Nam Định giai đoạn 2021-2030 có tính đến mối liên kết vùng và BDKH dựa trên bộ chỉ tiêu đã xây dựng.

**Chương 2. XÁC ĐỊNH BỘ CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT
TRONG QUY HOẠCH TỈNH CÓ TÍNH ĐẾN MỐI LIÊN KẾT VÙNG
VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

2.1. ĐẶC TRƯNG CỦA VÙNG ĐBSH ẢNH HƯỞNG ĐẾN QHSD ĐẤT

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.3. Những đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ảnh hưởng tới sử dụng đất vùng ĐBSH

2.1.3.1 Lợi thế của vùng trong sử dụng đất và QHSDD.

2.1.3.2. Khó khăn của vùng trong sử dụng đất và QHSDD

2.1.3.3. Những yêu cầu đặt ra đối với việc phân bố, sử dụng đất

2.2. XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ LIÊN KẾT VÙNG CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ẢNH HƯỞNG TỚI QHSDD

2.2.1. Yếu tố liên kết ngoại vùng

Liên kết vùng trong lĩnh vực nông nghiệp, Liên kết vùng trong lĩnh vực công nghiệp, Liên kết vùng trong phát triển giao thông đảm bảo nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của vùng với các vùng lân cận, Liên kết vùng trong phát triển thủy lợi, Liên kết vùng trong phát triển đô thị,

2.2.2. Yếu tố liên kết nội vùng

Đặc điểm liên kết nội vùng điển hình của vùng đồng bằng sông Hồng là liên kết giữa khu trung tâm và khu ngoại vi trong vùng. Hạt nhân của mỗi vùng là yếu tố quan trọng hình thành nên các vùng. Đó là các mối liên kết trong nội bộ vùng, giữa trung tâm và ngoại vi, cũng được tiến hành tính toán, trước hết là theo các chỉ tiêu cơ bản, để thêm cơ sở đánh giá mối liên hệ từng vùng và giữa các vùng khác nhau

2.3 XÁC ĐỊNH CÁC YẾU TỐ BDKH ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ QHSDD CÁC TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG.

2.3.1. Sự gia tăng nhiệt độ

TT	Tỉnh, thành phố	Kịch bản RCP4.5			Kịch bản RCP8.5		
		2016-2035	2046-2065	2080-2099	2016-2035	2046-2065	2080-2099
1	Hà Nội	0,6 (0,2+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,4 (1,6+3,4)	1,1 (0,6+1,6)	2,2 (1,4+3,4)	3,9 (3,0+5,7)
2	Vĩnh Phúc	0,7 (0,3+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,4 (1,7+3,5)	1,1 (0,6+1,7)	2,3 (1,4+3,4)	3,9 (2,9+5,8)
3	Bắc Ninh	0,7 (0,3+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,3 (1,6+3,3)	1,0 (0,5+1,5)	2,2 (1,4+3,3)	3,9 (2,8+5,6)
4	Hải Phòng	0,7 (0,4+1,1)	1,5 (1,0+2,2)	2,0 (1,5+2,9)	0,9 (0,6+1,4)	2,0 (1,4+2,8)	3,5 (2,8+4,6)
5	Hải Dương	0,7 (0,3+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,3 (1,6+3,3)	1,0 (0,6+1,6)	2,2 (1,4+3,3)	3,8 (2,9+5,5)
6	Hưng Yên	0,7 (0,3+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,3 (1,6+3,4)	1,0 (0,6+1,6)	2,2 (1,4+3,3)	3,8 (2,9+5,6)
7	Hà Nam	0,7 (0,2+1,1)	1,7 (1,2+2,5)	2,4 (1,6+3,4)	1,1 (0,6+1,6)	2,2 (1,4+3,4)	3,9 (2,9+5,6)
8	Thái Bình	0,7 (0,3+1,1)	1,6 (1,2+2,4)	2,3 (1,6+3,2)	1,0 (0,6+1,5)	2,1 (1,5+3,2)	3,7 (2,9+5,2)
9	Nam Định	0,7 (0,4+1,1)	1,6 (1,2+2,2)	2,2 (1,5+3,1)	0,9 (0,6+1,4)	2,0 (1,4+3,0)	3,6 (2,8+4,9)
10	Ninh Bình	0,7 (0,2+1,1)	1,6 (1,2+2,3)	2,3 (1,6+3,3)	1,0 (0,6+1,5)	2,2 (1,4+3,2)	3,8 (2,9+5,4)

Hình 2.1. Kịch bản gia tăng nhiệt độ các tỉnh Đồng bằng sông Hồng

2.3.2. Nước biển dâng

Bảng 2.1. Diện tích đất bị ngập theo kịch bản NBD trung bình đến năm 2050

Tỉnh	Diện tích tự nhiên (ha)	Diện tích bị ngập theo kịch bản NBD năm 2050 (ha)	Tỷ lệ % so với diện tích tự nhiên
Quảng Ninh	617.761,3	3.427,09	0,55
Hải Phòng	156.173,7	1.926,36	1,23
Thái Bình	158.630,9	2.678,93	1,69
Nam Định	166.853,9	6.392,07	3,83
Ninh Bình	138.126,7	3.743,3	2,71
Tổng cộng	1.237.546,5	18.167,75	1,47

Tỉnh/Thành phố	Diện tích (ha)	Tỷ lệ ngập (% diện tích) ứng với các mực nước biển dâng					
		50cm	60cm	70cm	80cm	90cm	100cm
Hải Phòng	154052	5,14	7,61	11,7	17,4	24,0	30,2
Thái Bình	158131	27,0	31,2	35,4	39,9	45,1	50,9
Nam Định	159394	26,0	32,5	39,1	45,8	52,3	58,0
Ninh Bình	134700	8,29	11,0	14,0	17,1	20,5	23,4
Toàn ĐB sông Hồng	1492739	6,93	8,55	10,4	12,5	14,7	16,8

Như vậy, nếu mực nước biển dâng 100 cm đồng nghĩa với khoảng 30,2% diện tích của thành phố Hải Phòng, 50,9% diện tích của tỉnh Thái Bình, 58,0% diện tích của tỉnh Nam Định và 23,4% diện tích của tỉnh Ninh Bình có nguy cơ bị ngập. Hơn nữa, nếu nước biển dâng 1 m, tương đương 16,8% tổng diện tích 11 tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng bị ngập nước – một diện tích rất lớn, ảnh hưởng rất nhiều tới sinh kế của người dân ven biển

Bảng 2.2. Diện tích loại hình sử dụng đất bị ngập theo kịch bản NBD trung bình đến 2050 vùng ĐBSH

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích bị ngập (ha)
1	Đất chưa sử dụng	CSD	1,143,75
2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	296,91
3	Đất quốc phòng an ninh	CQP	55,08
4	Đất làm muối	LMU	311,17
5	Đất trồng lúa	LUA	124,79
6	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	287,24
7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12.881,2

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích bị ngập (ha)
8	Đất ở nông thôn	ONT	310,23
9	Rừng đặc dụng	RDD	18,28
10	Rừng phòng hộ	RPH	2.314,51
11	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	CSK	332,7
12	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp nhà nước	TSC	91,89
	Tổng cộng		1.8167,75

2.3.3. Hạn hán

Theo kịch bản BĐKH RCP 4.5, vào giữa thế kỷ số ngày nắng nóng (nhiệt độ cao trên 35 độ C) có xu thế tăng dần. Dưới tác động của hiện tượng Elnino, lượng mưa một số năm bị suy giảm từ 70-90% trung bình nhiều năm. Để giảm thiểu tác động của BĐKH đến nông nghiệp, quy hoạch hệ thống thủy lợi là vấn đề thiết yếu. Ngoài ra, diện tích rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ đầu nguồn có khả năng lưu giữ nước có xu hướng giảm mạnh trong khi diện tích rừng trồng lưu vực không biến đổi nhiều nhưng khả năng điều hòa nguồn nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Lượng nước ngầm và dòng chảy trên sông suối hạ thấp qua nhiều năm.

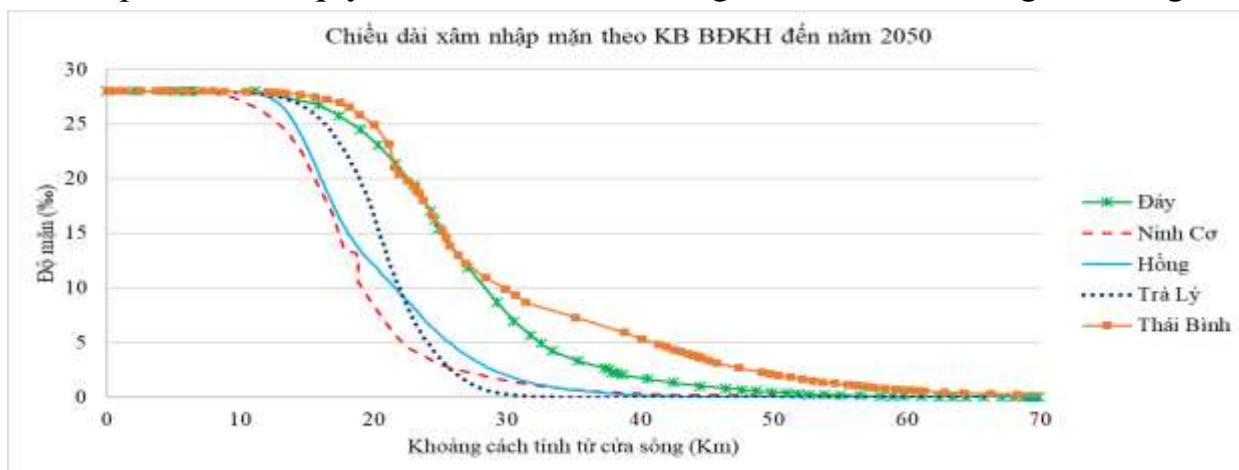
Bảng 2.3. Dự báo diện tích đất bị khô hạn ở vùng ĐBSH đến 2050

Loại hình sử dụng đất	Dự báo mức độ khô hạn (ha)			Tổng diện tích bị khô hạn
	Khô hạn nhẹ	Khô hạn trung bình	Khô hạn nặng	
1. Đất sản xuất nông nghiệp	92.426	41.417	-	133.843
2. Đất lâm nghiệp	324.988	69.997	-	394.985
3. Đất nuôi trồng thủy sản	3.861	1.357	-	5.218
4. Đất làm muối	-	-	-	-
5. Đất nông nghiệp khác	1.321	-	-	1.321
6. Đất chưa sử dụng	1.318	620	-	1.938
Tổng số	423.914	113.391	-	537.305

2.3.4. Xâm nhập mặn

Không chỉ làm thu hẹp diện tích sản xuất nông nghiệp, xâm nhập mặn còn làm giảm năng suất chất lượng cây trồng, vật nuôi tăng chi phí sản xuất. Hiện

tượng xâm nhập mặn khiến cho chất lượng đất và nước sử dụng cho nông nghiệp bị ảnh hưởng làm gia tăng dịch bệnh cho cây trồng vật nuôi. Dịch bệnh phát sinh với mật độ cao, phân bố rộng. Các công trình xây dựng dân sinh (đê bao, chuồng trại, lồng bè...) cũng ảnh hưởng do ăn mòn hóa học. Do đó, chi phí cải tạo, quy hoạch lại để thích ứng với BĐKH sẽ tăng lên đáng kể



Hình 2.2. Chiều dài xâm nhập mặn trên sông chính thuộc hệ thống sông Hồng - Thái Bình ứng với kịch bản BĐKH đến năm 2050

2.4. XÂY DỰNG BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QHSDD CẤP TỈNH CÓ TÍNH ĐẾN MỐI LIÊN KẾT VÙNG VÀ BĐKH Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

2.4.1 Cơ sở đề xuất

Bảng 2.4. Tổng hợp nội dung liên kết vùng, BĐKH và những chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh cần có ở vùng Đồng bằng sông Hồng

Liên kết vùng và BĐKH	Chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh
1. Liên kết vùng trong phát triển kinh tế-xã hội	
- Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, liên tỉnh (đường cao tốc, đường quốc lộ; đất sân bay, cảng đường thủy, hải cảng, hệ thống thủy lợi, cấp nước, hệ thống y tế, giáo dục...)	- Chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng đất giao thông,
- Liên kết vùng trong phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản	- Chỉ tiêu đất khu công nghiệp, đất chế xuất, đất cụm công nghiệp, đất thương mại dịch vụ, Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

- Liên kết vùng trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chuỗi giá trị	- Chỉ tiêu đất sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ
- Liên kết vùng trong đảm bảo an ninh lương thực	- Chỉ tiêu đất trồng lúa nước
- Liên kết vùng trong sản xuất rau – màu tập trung (liên tỉnh, liên huyện)	- Chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm
- Liên kết vùng trong phát triển cây lâu năm và tiêu thụ sản phẩm (ví dụ: nhãn, vải,...)	- Chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm
- Liên kết vùng trong nuôi trồng thủy sản	- Chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản
- Liên kết vùng trong phát triển đô thị	- Chỉ tiêu đất đô thị
- Liên kết vùng trong phát triển du lịch	- Chỉ đất khu du lịch
2. Liên kết vùng trong bảo vệ tài nguyên môi trường:	
- Liên kết vùng trong bảo vệ và phát triển đất rừng	- Chỉ tiêu liên kết vùng đối với đất lâm nghiệp (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng)
- Liên kết vùng trong bảo vệ các khu cảnh quan thiên nhiên, vườn quốc gia, bảo tồn đa dạng sinh học	- Chỉ tiêu liên kết vùng đối với đất khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
- Liên kết vùng trong xử lý chất thải nguy hại, ô nhiễm môi trường	- Chỉ tiêu liên kết vùng đối với đất bãi thải, xử lý chất thải
3. Ứng phó với BĐKH trong QHSDD:	
- Ứng phó với tình trạng nước biển dâng	- Chỉ tiêu vùng nguy cơ diện tích đất bị ngập do nước biển dâng
- Ứng phó với tình trạng xâm nhập mặn tại các huyện ven biển	- Chỉ tiêu vùng nguy cơ diện tích đất bị mặn hóa
- Ứng phó với thiên tai (bão, lũ lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ biển)	- Chỉ tiêu vùng nguy cơ đối với kích bản diện tích đất bị hạn hán, Chỉ tiêu Khu vực có nguy cơ sạt lở, Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi bão, Khu vực có nguy cơ hoang mạc hóa, Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt
- Thích ứng với điều kiện bồi tụ ven sông, biển	- Chỉ tiêu vùng bồi tụ

2.4.2. Kết quả phân tích từ phiếu điều tra xã hội học và Delphi

2.4.2.1. Kết quả từ phiếu điều tra xã hội học

2.4.2.2 Áp dụng phương pháp Delphi xác định bộ chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh

a) Kết quả Delphi vòng thử nghiệm

Kết quả đề xuất Delphi vòng thử nghiệm với 03 nhóm tiêu chí: nhóm theo mục đích sử dụng, nhóm liên kết vùng và nhóm thích ứng BĐKH theo bảng sau:

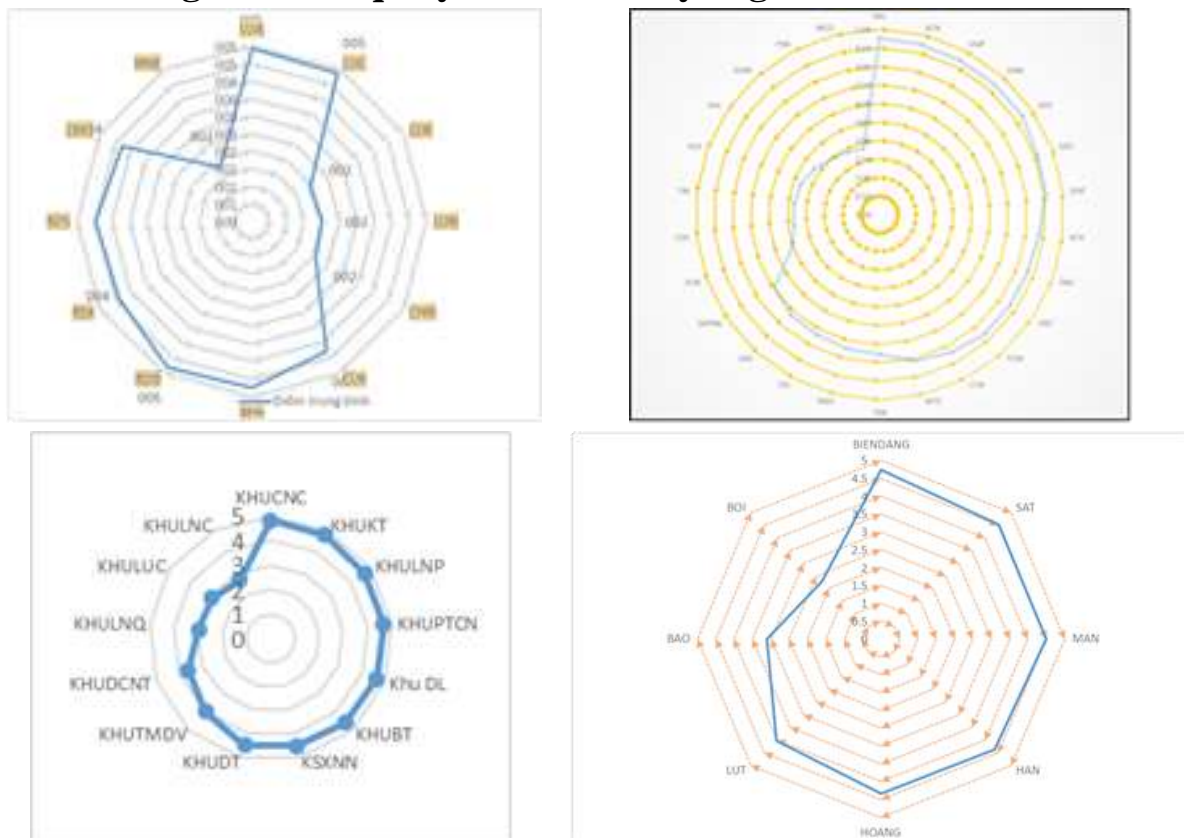
Bảng 2.5. Đề xuất các nhóm tiêu chí sử dụng đất Delphi vòng thử nghiệm

Nhóm tiêu chí	Các tiêu chí
(1) Nhóm tiêu chí theo mục đích sử dụng	Các chỉ tiêu theo mục đích sử dụng đất
(2) Nhóm tiêu chí về liên kết vùng	Nhóm chỉ tiêu về các khu chức năng sử dụng đất
(3) Nhóm tiêu chí thích ứng BĐKH	Các khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố BĐKH

(Nguồn: Kết quả tổng hợp từ quá trình tham vấn ý kiến chuyên gia)

b) Kết quả Delphi vòng 1

Điểm trung bình kết quả ý kiến các chuyên gia theo các nhóm tiêu chí



Hình 2.3. Kết quả Delphi vòng 1

Tổng hợp kết quả vòng 1 lựa chọn các chỉ tiêu theo bảng 2.6

Bảng 2.6: Các chỉ tiêu lựa chọn vào khảo sát Delphi vòng 2

Tiêu chí	Các chỉ tiêu được lựa chọn
Theo mục đích sử dụng	Đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác, đất nuôi trồng thủy sản, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, “đất quốc phòng” “đất an ninh”, “đất khu công nghiệp”, “đất khu chế xuất” “đất cụm công nghiệp”, “đất thương mại dịch vụ”, “đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp”, “đất sử dụng cho mục đích khoáng sản”, “đất phát triển hạ tầng”, “đất di tích, lịch sử - văn hóa”, đất danh lam, thắng cảnh”, đất bãi thải xử lý chất thải”, “đất ở tại nông thôn”, “đất ở tại đô thị”, “đất xây dựng trụ sở cơ quan, “đất xây dựng tổ chức sự nghiệp”, đất cơ sở tôn giáo”, “đất làm nghĩa trang, nghĩa địa”, “đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ”
Theo phân khu chức năng	đất khu công nghệ cao, đất khu kinh tế, đất khu lâm nghiệp, đất khu phát triển công nghiệp, đất khu du lịch, đất khu sản xuất nông nghiệp, đất khu đô thị, đất khu thương mại – dịch vụ, đất khu dân cư nông thôn.
Thích ứng với BĐKH	“đất khu có nguy cơ sạt lở”, “đất khu có nguy cơ bị xâm nhập mặn”, “đất khu có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng”, “đất khu có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt”, “đất khu có nguy cơ hạn hán”, “đất khu có nguy cơ hoang mạc hóa”

c) Kết quả Delphi vòng 2

Kết quả Delphi vòng 2 xác định mức độ đồng thuận và mức độ tin tưởng của các chuyên gia đã tham gia trả lời ở vòng 1 với mức đồng thuận

Bảng 2.7. Giá trị chỉ số Kendail’s W

n	Kendail’ W	P	Mức độ xác định đồng thuận	Mức độ tin tưởng
24	0,607	0,001	Mạnh	Cao

Kết quả phân tích hệ số tương quan Kendail’s W bằng 0,607 thuộc khoảng 0,5 - 0,7 (được tính toán sau quá trình phân tích và tổng hợp câu trả lời bằng phần mềm SPSS) phản ánh mức đồng thuận giữa các chuyên gia là mạnh, mức độ tin cậy cao, có ý nghĩa thống kê.

Bảng 2.8. Chỉ tiêu QHSDD trong QH tỉnh có tính đến các yếu tố liên kết vùng và BDKH

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
I	Theo Mục đích sử dụng đất				
1	<i>Đất nông nghiệp</i>	<i>NNP</i>	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>x</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0	x	0
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
2	<i>Đất phi nông nghiệp</i>	<i>PNN</i>	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0	x	0
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0	x	0
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0	x	0
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0	x	0
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	x	x	0
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	x	x	0
2.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	x	0	x
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0	x	0
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	0	x	0
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	0	x	0
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0	x	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0	x	0
2.16	Đất xây dựng cơ sở ngoại	DNG	0	x	0

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
	giao				
2.17	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0	x	0
2.18	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0	x	0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	x	0	x
II	Phân vùng sử dụng đất				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	x	0	0
2	Đất khu kinh tế	KKT	x	0	0
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	0	x	0
4	Khu lâm nghiệp	KLN	0	x	0
5	Khu du lịch	KDL	0	x	0
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	0	x	0
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	0	x	0
8	Khu đô thị	DTC	0	x	0
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	0	x	0
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	0	x	0
III	Phân vùng thích ứng với BĐKH				
1	Đất khu có nguy cơ sạt lở	KSL		x	
2	Đất khu có nguy cơ bị xâm ngập mặn	KXNM		x	
3	Đất khu có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng	KNBD		x	
4	Đất khu có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	KLL		x	
5	Đất khu có nguy cơ hạn hán	KHH		x	
6	Đất khu có nguy cơ hoang mạc hóa	KHM		x	

Chương 3.XÁC ĐỊNH BỘ CHỈ TIÊU VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT PHỤC VỤ XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT CHO TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2021-2030

3.1 ĐẶC TRƯNG VỀ TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG ẢNH HƯỞNG TỚI SDD TỈNH NAM ĐỊNH

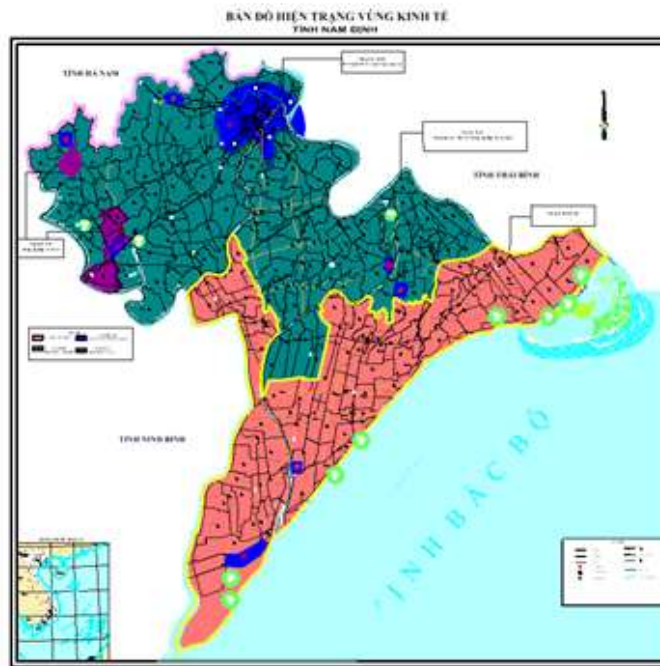
3.1.1. Điều kiện tự nhiên

3.1.2. Điều kiện KT – XH

3.1.3. Đánh giá chung về ĐKTN - KTXH của Nam Định

3.2. ĐÁNH GIÁ LIÊN KẾT VÙNG CỦA TỈNH NAM ĐỊNH ẢNH HƯỞNG TỚI QH ĐẤT ĐAI

Các không gian kinh tế được chia làm 4 khu vực kinh tế gắn với các đặc trưng và điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực, cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, cụ thể là: (1) Khu vực kinh tế trung tâm, (2) Khu vực kinh tế nông nghiệp kết hợp công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp, (3) Khu vực kinh tế Công nghiệp- Dịch vụ, (4) Khu vực kinh tế biển.



Hình 3.1. Bản đồ phân vùng kinh tế tỉnh Nam Định

Luận án xác định, phân tích và đánh giá môi LKV của Nam Định trong các lĩnh vực sử dụng đất. Từ đó xác định những chỉ tiêu sử dụng đất bị ảnh hưởng bởi môi LKV bao gồm: Đất khu sản xuất nông nghiệp, đất khu lâm nghiệp, đất khu phát triển công nghiệp, đất khu đô thị, đất khu thương mại – dịch vụ, đất khu nông thôn, đất khu du lịch, đất khu bảo tồn thiên nhiên.

3.3. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ BDKH TỚI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ QHSDD CỦA TỈNH NAM ĐỊNH

Luận án đánh giá thực trạng tác động của BĐKH tại Nam Định tới sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu thích nghi BĐKH bao gồm: Đất khu nguy cơ bị xâm nhập mặn và đất khu nguy cơ bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng.

Bảng 3.1: Tổng hợp diện tích bị nhiễm mặn vùng ven biển tỉnh Nam Định

Đơn vị tính: ha

Nhóm đất	Loại đất	Tổng diện tích bị nhiễm mặn	Nhiễm mặn	
			1%	4%
Diện tích bị ảnh hưởng BĐKH		33.819	229	33.590
1	Đất chuyên lúa nước	9.445	-	9.445
2	Đất lúa, màu	1.082	-	1.082
3	Đất trồng cây trồng cận ngắn ngày	1.372	16	1.355
4	Đất trồng cây ăn quả và cây lâu năm	3.953	111	3.843
5	Đất nuôi trồng thủy sản ngọt	2.372	41	2.331
6	Đất nuôi trồng thủy sản mặn, lợ	7.122	-	7.122
7	Đất làm muối	1.030	-	1.030

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.4. XÁC ĐỊNH BỘ CHỈ TIÊU VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT CHO TỈNH NAM ĐỊNH

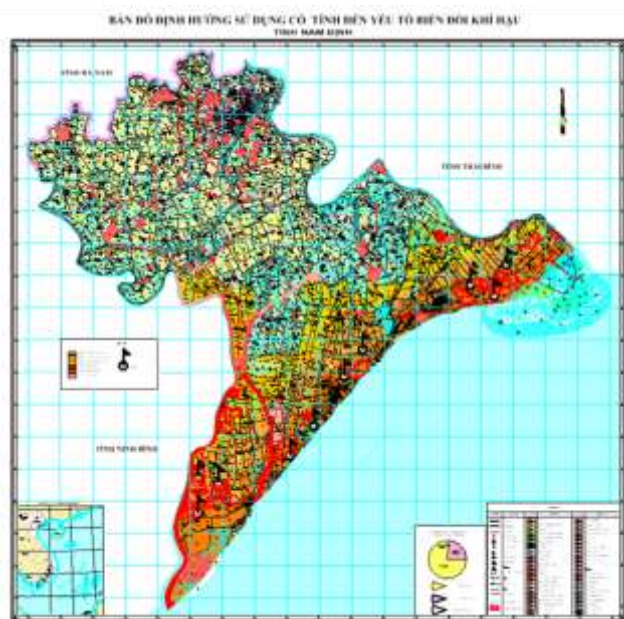
3.4.1. Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện QHSD đất giai đoạn 2010 – 2020

3.4.2. Đề xuất chỉ tiêu và phân khu chức năng SDD trong định hướng SDD cho tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2030.



Hình 3.2: Bản đồ định hướng SDD có tính đến mối liên kết vùng của Nam Định

3.3.2.2. Khu thích nghi BĐKH



Hình 3.2: Bản đồ định hướng SDD có tính đến BĐKH của Nam Định

3.5. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QHSDD.

3.5.1. Giải pháp chung

3.5.1.1. Luật hoá vấn đề liên kết vùng và lồng ghép thích ứng BĐKH trong quy hoạch sử dụng đất

3.5.1.2. Giải pháp đối với việc áp dụng bộ chỉ tiêu SDD trong lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh

3.5.2. Giải pháp cho tỉnh Nam Định

3.5.2.1. Giải pháp lồng ghép liên kết vùng trong quy hoạch

3.5.2.2. Giải pháp thích ứng BĐKH trong quy hoạch

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Với quan điểm đất đai vừa là tài nguyên, vừa là tài sản đặc biệt của quốc gia; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có vai trò làm cho đất đai không chỉ là nguồn lực để phát triển kinh tế mà còn là vấn đề an ninh, chính trị, ổn định xã hội Chỉ tiêu sử dụng đất là linh hồn của phương án QHSDĐ; do vậy, nói đến tính liên kết vùng trong QHSDĐ là nói đến tính chất liên vùng của chỉ tiêu QHSDĐ. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn luận án đã đạt được những kết quả sau:

(1) Tổng quan các công trình nghiên cứu của nước ngoài cho thấy trong QHSDĐ cấp vĩ mô, trong đó có cấp vùng, cấp tỉnh cần chú trọng vấn đề phân vùng và liên kết không gian gắn với mục tiêu sử dụng đất bền vững, đồng thời cần ứng dụng công nghệ nhằm hỗ trợ lựa chọn được phương án (kịch bản) sử dụng đất tốt nhất. Đối với Việt Nam, nghiên cứu cho thấy rằng chưa có công trình nào nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đưa ra đề xuất về việc tích hợp các yếu tố liên kết vùng và BDKH trong QHSDĐ cấp tỉnh. Các tác giả của các công trình nghiên cứu trên cũng đã nêu lên những vấn đề tồn tại và kiến nghị cần nghiên cứu tiếp như: cần có những nghiên cứu tiếp về đổi mới nội dung và phương pháp lập QHSDĐ, trong đó có cấp tỉnh; sử dụng ảnh viễn thám và ứng dụng GIS trong lập QHSDĐ cấp tỉnh; cần nghiên cứu sâu sắc về mối liên kết vùng trong QHSDĐ; cần xác định rõ các yếu tố BDKH ảnh hưởng đến sử dụng đất và ảnh hưởng đến việc QHSDĐ.

(2) Luận án đã nghiên cứu thực trạng việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và việc tổ chức thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp, đánh giá được tình hình xây dựng và thực hiện bảng chỉ tiêu sử dụng đất trong QHSDĐ qua các thời kỳ. Đồng thời với việc tổng hợp được những ưu điểm để phát huy; luận án đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế để đề xuất cải tiến, đổi mới cho phù hợp xác định được các yếu tố liên kết vùng ảnh hưởng đến QHSDĐ; xác định các yếu tố BDKH tới sử dụng đất và QHSDĐ;

(3) Bước đầu đề xuất bảng chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh có tính đến mối liên kết vùng và BDKH. Bảng chỉ tiêu sử dụng đất bao gồm 3 tiêu chí là Tự nhiên, kinh tế, xã hội gồm 23 chỉ tiêu mục đích sử dụng đất; tiêu chí liên kết vùng gồm 10 phân khu chức năng và tiêu chí thích ứng với BDKH gồm 6 khu vực thích ứng.

(4) Phân tích, xác định các yếu tố liên kết vùng của tỉnh Nam Định có ảnh hưởng tới sử dụng đất như liên kết trong nông nghiệp, liên kết vùng trong phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, hạ tầng giao thông, du lịch và

liên kết vùng trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường; đánh giá và nhận diện các yếu tố BĐKH ảnh hưởng tới sử dụng đất của Nam Định, trên cơ sở đó xác định các vùng nguy cơ bị ảnh hưởng của BĐKH, phân tích làm rõ những tác động đó trong QHSDD; đề xuất bộ chỉ tiêu và phân khu chức năng sử dụng đất trong định hướng sử dụng đất quy hoạch tỉnh Nam Định có tính đến mối liên kết vùng và BĐKH.

2. Kiến nghị

(1) Nội dung và phạm vi nghiên cứu của luận án chỉ tập trung tại vùng Đồng bằng sông Hồng. Mỗi một vùng, một địa phương lại có những vị thế riêng biệt. Do đó cần tiếp tục có những nghiên cứu lý luận và phương pháp luận sâu hơn trên phạm vi nhiều vùng về tính liên kết vùng và các yếu tố BĐKH trong sử dụng đất và QHSDD.

(2) Kiến nghị Tổng cục Quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên và Môi trường tham khảo kết quả nghiên cứu của luận án để từng bước hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đặc biệt trong việc ban hành văn bản quy định về chỉ tiêu sử dụng đất trong QHSDD.

(3) Các địa phương tham khảo ứng dụng kết quả nghiên cứu của luận án để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, góp phần nâng cao chất lượng công tác quy hoạch trong giai đoạn tới